

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174 /2017/HNGĐ-ST

Ngày 28 – 9 – 2017

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN Tp. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Kiều Chi

Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Y Kam Ê Nuôi - Cán bộ Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại Phòng xử án D - Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2017/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2017/QĐXX-ST ngày 01/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu M – Sinh năm: 1990
Nơi ĐKKHTT: Tổ A, Thôn B, xã E, Tp. B, Đắk Lắk
Chỗ ở hiện nay: Tổ D, Thôn X, xã E, Tp. B, Đắk Lắk

- *Bị đơn:* Ông Phạm Việt N – Sinh năm: 1986
Nơi ĐKKHTT: Tổ A, Thôn B, xã E, Tp. B, Đắk Lắk

(Bà Lê Thị Thu M có mặt, ông Phạm Việt N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Lê Thị Thu M trình bày:* Tôi và ông Phạm Việt N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, Tp. B từ năm 2012. Quá trình chung sống chúng tôi hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N cờ bạc dẫn đến phá tán tài sản gia đình, nợ nần rất nhiều, từ tháng 10 năm 2016 đến nay vợ chồng tôi đã sống ly thân. Hiện nay mâu thuẫn của vợ chồng tôi không thể khắc phục được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Phạm Việt N.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Phạm Gia B – Sinh ngày: 20/11/2013. Hiện nay tôi là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B. Nguyễn

vọng của tôi là xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với ông Phạm Viết N, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N đều không đến Tòa án để làm việc.

- **Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương:** Ông Phạm Viết N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, Tuy nhiên hiện nay ông N không có mặt tại địa phương, địa phương không biết anh N đang sinh sống ở đâu.

Trong quá trình chung sống với nhau, giữa vợ chồng bà M và ông N có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N thường cờ bạc, không tu chí làm ăn và không quan tâm đến vợ con.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thu M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Viết N và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Gia B – Sinh ngày: 20/11/2013 cho đến khi tròn 18 tuổi, không yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Phạm Viết N đến Tòa án để làm việc nhưng ông Phạm Viết N đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến là thứ hai nhưng ông Phạm Viết N vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- *Về nội dung quan hệ tranh chấp:* Bà Lê Thị Thu M và ông Phạm Viết N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, Tp. B từ năm 2012, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cả hai không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Lê Thị Thu M và ông Phạm Viết N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thu M, cho bà M được ly hôn với ông Phạm Viết N.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Gia B – Sinh ngày: 20/11/2013 cho bà Lê Thị Thu M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Ông Phạm Viết N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Viết N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Bà Lê Thị Thu M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000279 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ pháp luật áp dụng:**

- Áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 144; Điều 147; Điều 195; Điều 203; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Áp dụng khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu M, cho bà M được ly hôn với ông Phạm Viết N.

- *Về con chung*: Giao cháu Phạm Gia B – Sinh ngày: 20/11/2013 cho bà Lê Thị Thu M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Ông Phạm Viết N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Viết N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Bà Lê Thị Thu M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000279 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND xã E, Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Trang